TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/DS-ST
Ngày 18 – 7 – 2024
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đoàn Thị Sim
2. Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Bảo Trân – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Đ, sinh ngày 18/12/1969; Địa chỉ: ấp Bào T, xã Rạch C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh ngày 01/01/1964; Địa chỉ: ấp Sào Lưới T, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Trần Hoàng Đ (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 22/9/2023 âm lịch (viết tắt AL), ông Phan Văn L có vay của ông số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng ông L phải trả là 2.400.000 đồng (4%/tháng), việc vay có viết giấy vay tiền. Khi vay, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 07 tháng ông L sẽ trả nợ gốc và ông L có thế chấp 01 sổ hợp đồng giao khoán rừng số: 650/HĐ-KRMN của ông L cho ông giữ để làm tin nhưng việc thế chấp không có làm hợp đồng thế chấp, không có ý kiến của Ban Quản lý rừng phòng hộ Biển Tây, ông cũng không quản lý, khai thác đất rừng theo hợp đồng giao khoán của ông L. Quá trình vay, ông L đóng lãi cho ông đến tháng 12 năm 2023 (AL) được 03 tháng với số tiền là 7.200.000 đồng thì ngưng.

Đến ngày 10/11/2023 (AL), ông L vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng ông L phải trả là 800.000 đồng (4%/tháng). Khi vay, ông L không viết giấy vay tiền mà thế chấp 01 sổ hợp đồng giao khoán rừng số: 684/HĐ-KRMN của ông L cho ông, việc thế chấp ông L có viết giấy tay thế chấp tài sản

nhưng không có làm hợp đồng thế chấp, cũng không có ý kiến của Ban Quản lý rừng phòng hộ Biển Tây và ông cũng không quản lý, khai thác đất rừng theo hợp đồng giao khoán của ông L. Sau khi vay, ông L đóng được 01 tháng lãi với số tiền 800.000 đồng thì ngưng.

Ngày 15/11/2023 (AL), ông L vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, việc vay có viết biên nhận cùng ngày và ông L đóng cho ông 01 tháng lãi với số tiền 800.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 01/12/2023 (AL), ông L vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, việc vay có viết biên nhận nhưng khoản vay này, ông L chưa trả lãi cho ông.

Tại tòa, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L trả một lần hết số tiền nợ vốn là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2023 (AL) cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20%/năm. Đối với khoản lãi đã trả, ông Đ không đặt ra yêu cầu gì. Ngoài ra, ông Đ không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn L (bị đơn) trình bày:

Ông thừa nhận có vay, có ký giấy vay tiền, có thế chấp 02 sổ hợp đồng giao khoán đất rừng khi vay tiền cho ông Trần Hoàng Đ, thời gian ngưng đóng lãi và số tiền lãi đã trả đúng như lời trình bày của ông Đ tại phiên tòa. Hiện ông còn nợ và đồng ý trả cho ông Đ số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng cùng lãi suất tính từ ngày 01/12/2023 (AL) cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định. Đối với khoản lãi đã trả, ông yêu cầu điều chỉnh theo quy định, nếu còn dư thì đối trừ vào vốn. Đồng thời, do hoàn cảnh khó khăn ông xin trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn vào các ngày 22/9/2023 (AL), 10/11/2023 (AL), 15/11/2023 (AL) và ngày 01/12/2023 (AL) có viết giấy vay tiền được bị đơn ký, ghi họ tên. Đồng thời, các đương sự thừa nhận về thời gian vay, số tiền vay, số tiền lãi đã trả và thời gian ngưng trả lãi, số tiền vốn vay bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi, nguyên đơn cho rằng thời gian thỏa thuận trả nợ là 07 tháng nhưng bị đơn không thừa nhận có thỏa thuận này. Hơn nữa, trong các giấy vay tiền cũng không ghi nhận thỏa thuận này và nguyên đơn không đặt ra yêu cầu tính lãi chậm trả mà yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3.1] Tuy nhiên, số tiền lãi thỏa thuận mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là vượt quá quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại, cụ thể: Khoản vay ngày 22/9/2023 (AL), bị đơn đã trả được 03 tháng lãi với số tiền 7.200.000 đồng, số tiền lãi này được điều chỉnh lại theo quy định, theo đó số tiền lãi bị đơn phải trả là

(60.000.000 đồng X 1,66%/tháng X 03 tháng) = 2.988.000 đồng, đối trừ số tiền lãi đã trả bị đơn còn thừa số tiền 4.212.000 đồng.

Khoản vay ngày 10/11/2023 (AL), bị đơn đã trả được 01 tháng lãi với số tiền 800.000 đồng, số tiền lãi này được điều chỉnh lại theo quy định, theo đó số tiền lãi bị đơn phải trả là (20.000.000 đồng X 1,66%/tháng X 01 tháng) = 332.000 đồng, đối trừ số tiền lãi đã trả bị đơn còn thừa số tiền 468.000 đồng.

Khoản vay ngày 15/11/2023 (AL), bị đơn đã trả được 01 tháng lãi với số tiền 800.000 đồng, số tiền lãi này được điều chỉnh lại theo quy định, theo đó số tiền lãi bị đơn phải trả là (20.000.000 đồng X 1,66%/tháng X 01 tháng) = 332.000 đồng, đối trừ số tiền lãi đã trả bị đơn còn thừa số tiền 468.000 đồng.

[3.2] Trong các khoản vay nêu trên, bị đơn ngưng trả lãi từ sau tháng 12 năm 2023 (AL) nên ngày 01/01/2024 (AL) được xác định là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Do đó, về thời gian tính lãi và số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau:

Tính từ ngày 01/12/2023 (AL) đến ngày xét xử sơ thẩm nhằm ngày 13/6/2024 (AL) là (06 tháng 12 ngày x 120.000.000 đồng) x 20%/năm = 12.748.800 đồng.

Đối trừ với số tiền lãi bị đơn trả thừa được nêu tại [3.1], bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là (12.686.400 đồng - 468.000 đồng - 468.000 đồng - 4.212.000 đồng) = 7.600.800 đồng.

[4] Với nhận định tại các đoạn [3], [3.1] và [3.2] nêu trên, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn các khoản vốn và lãi là 127.600.800 (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn tám trăm đồng) trong đó số tiền vốn vay 120.000.000 đồng, số tiền lãi 7.600.800 đồng là phù hợp.

[5] Đối với việc thế chấp hợp đồng khoán rừng và diện tích mặt nước số: 684/HĐ-KRMN và hợp đồng khoán rừng và diện tích mặt nước số: 650/HĐ-KRMN, các đương sự thừa nhận việc bị đơn thế chấp và giao nguyên đơn giữ 02 hợp đồng chỉ nhằm để làm tin cho việc vay tiền nên khi vay, giữa các đương sự không ký hợp đồng thế chấp hay hợp đồng cầm cố tài sản có công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, từ khi vay cho đến nay nguyên đơn không quản lý, sử dụng phần đất rừng được giao khoán cho bị đơn theo 02 hợp đồng nêu trên. Do đó, nguyên đơn có trách nhiệm trả lại bản chính hai sổ hợp đồng giao khoán đất rừng và diện tích mặt nước khi bị đơn thanh toán xong nợ.

[6] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu nhưng do bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử xét cho bị đơn được miễn nộp tiền án phí. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hoàng Đ.

Buộc ông Phan Văn L trả cho ông Trần Hoàng Đ tổng các khoản với số tiền là 127.600.800 (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày ông Trần Hoàng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phan Văn L không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Ông Trần Hoàng Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Phan Văn L bản chính hợp đồng khoán rừng và diện tích mặt nước số: 684/HĐ-KRMN cùng hợp đồng khoán rừng và diện tích mặt nước số: 650/HĐ-KRMN, khi ông L thanh toán xong số tiền nợ cho ông Đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phan Văn L không phải nộp, được miễn nộp án phí theo quy định.

Ông Trần Hoàng Đ không phải nộp. Ngày 22/5/2024, ông Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003524 được trả lại toàn bộ cho ông Đ.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân